

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIANG THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:01/2019/DS-ST
Ngày 18 tháng 6 năm 2019
V/v: “Tranh chấp đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIANG THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hồng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hoàng Hải

2. Ông Trương Văn Hiếu

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Nghi – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giang Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giang Thành tham gia phiên tòa: Bà Danh Nguyễn Thúy Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Giang Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2018/TLST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2018 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXX-ST, ngày 14 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nghiêm Thành N, sinh năm: 1958 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp VT, xã LQ, huyện TT, tỉnh An Giang

2. *Bị đơn:* Ông Nghiêm Văn T, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp CC, xã VĐ, huyện GT, tỉnh Kiên Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Võ Thị H, sinh năm 1960 (vợ ông N - Vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp VT, xã LQ, huyện TT, tỉnh An Giang

- Bà Lâm Thị C, sinh năm 1966 (vợ ông T - Có mặt)

Địa chỉ: ấp CC, xã VĐ, huyện GT, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 22/5/2018 nguyên đơn ông Nghiêm Thành N trình bày:

Vào ngày 30/7/2012 ông có cho ông T vay số tiền 80.000.000 đồng gốc, hai bên có làm hợp đồng vay, thỏa thuận thời hạn trả gốc là 01 năm là ngày 30/7/2013.

Ông T đóng lãi được 35.000.000 đồng thì không đóng nữa cho đến nay. Mặc dù ông N có liên hệ nhiều lần nhưng ông T vẫn không trả gốc lẫn lãi.

Tại phiên tòa, sau khi được Hội đồng xét xử giải thích những quy định của pháp luật tố tụng về thời hiệu, ông Nghiêm Thành N tự nguyện xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là yêu cầu tính lãi theo quy định từ ngày 01/8/2013 đến khi xét xử sơ thẩm trên số nợ gốc 80.000.000 đồng. Nay ông N chỉ yêu cầu ông T thanh toán số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng.

Bị đơn ông Nghiêm Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong biên bản lấy lời khai ngày 20/7/2018; ngày 08/5/2019 ông T trình bày như sau: Ông thừa nhận có vay của ông N số tiền 80.000.000 đồng, hai bên có lập hợp đồng vay ngày 30/7/2012 và ông có ký tên vào hợp đồng. Về sau ông đã đóng được cho ông N 35.000.000 đồng tiền lãi thì gặp khó khăn về hoàn cảnh kinh tế gia đình nên ông không tiếp tục trả được nợ cho ông N từ đó đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T đồng ý trả số tiền 80.000.000 đồng cho ông N nhưng xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Đối với số tiền lãi ông đóng cho ông N trước đây là 35.000.000 đồng, ông tự nguyện không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét cản trừ lại số tiền này vào nợ gốc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong bản tự khai bà H thống nhất như lời trình bày của chồng bà là ông Nghiêm Thành N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị C trình bày: Bà thừa nhận vợ chồng bà còn nợ nguyên đơn Nghiêm Thành N số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng, nay tại phiên tòa bà C tự nguyện nhận thực hiện nghĩa vụ liên đới cùng với chồng thanh toán cho ông N số tiền nợ 80.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bà đề nghị được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giang Thành bà Danh Nguyễn Thúy Quyên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự thủ tục giải quyết vụ án.

- Về nội dung, do đã hết thời hiệu khởi kiện tranh chấp nợ vay cả gốc lẫn lãi nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định của pháp luật dân sự về thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tài sản là số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng để làm cơ sở giải quyết vụ án. Trên cơ sở đó Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc ông Nghiêm Văn T có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc 80.000.000 đồng cho nguyên đơn ông Nghiêm Thành N.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu tính lãi theo quy định do nguyên đơn tự nguyện xin rút lại.

Ghi nhận sự tự nguyện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lâm Thị C (vợ của ông T) nhận thực hiện nghĩa vụ liên đới cùng với chồng bà thanh toán nợ gốc cho nguyên đơn ông N.

Về án phí, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn chịu án phí giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về thủ tục tố tụng:

- Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn ông Nghiêm Thành N khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nghiêm Văn T thanh toán số tiền nợ vay 80.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật. Do đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 427 Bộ luật dân sự 2005 nên ông Nghiêm Thành N chỉ được quyền đòi lại tài sản là số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xác định tranh chấp của đương sự được quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Về sự vắng mặt của các đương sự:

Bị đơn ông Nghiêm Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt không lý do và Tòa án đã hoãn phiên tòa một lần nên theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử khi đương sự vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H (vợ của ông N) vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử khi đương sự vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Nghiêm Thành N khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nghiêm Văn T thanh toán số tiền nợ vay gốc 80.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 01/8/2013 đến nay, Hội đồng xét xử nhận định như sau: Theo chứng cứ nguyên đơn ông N cung cấp là 01 hợp đồng vay vốn lập ngày 30/7/2012 có ông T ký tên để vay của ông N số tiền 80.000.000 đồng (BL 35). Chứng cứ này được bị đơn là ông T và vợ ông là bà C thừa nhận tại các biên bản lấy lời khai ngày 20/7/2018, ngày 08/5/2019. Tuy nhiên, do vợ chồng ông T xin trả dần nợ gốc mỗi tháng 1.000.000 đồng và yêu cầu này không được nguyên đơn chấp nhận nên vụ án phải đưa ra xét xử. Mặc khác vợ chồng ông T, bà C khai là ông bà có đóng được cho ông N 35.000.000 đồng lãi và ông N cũng thừa nhận nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông T và vợ ông đều tự nguyện không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét lại số tiền này để căn trừ vào tiền gốc nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông bà.

Theo quy định tại Điều 427 Bộ luật dân sự năm 2005: “Thời hiệu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự là 02 năm” và theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012 ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn thi hành quy định về thời hiệu khởi kiện như sau: “Đối với tranh chấp về đòi lại tài sản thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện” và

đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền lãi thì Tòa án không giải quyết vì đã hết thời hiệu khởi kiện. Đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền gốc thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện, Tòa án thụ lý giải quyết theo thủ tục chung”.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông Nghiêm Thành Nghiêm sau khi được Hội đồng xét xử giải thích pháp luật đã tự nguyện xin rút yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 244 đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ các cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử buộc bị đơn ông Nghiêm Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn ông Nghiêm Thành N số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lâm Thị C (vợ ông T) tự nguyện nhận thực hiện nghĩa vụ liên đới cùng với chồng bà thanh toán nợ cho ông N.

Về án phí sơ thẩm:

Do bị đơn ông Nghiêm Văn T bị buộc phải thanh toán cho nguyên đơn ông Nghiêm Thành N số tiền 80.000.000 đồng nên theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì ông Tâm phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 4.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 281, Điều 290; Điều 298; Điều 427 Bộ luật dân sự năm 2005; Các 146; 147; 227; Điều 228 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 03/2012 ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn thi hành quy định về thời hiệu khởi kiện; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nghiêm Thành N;

Buộc bị đơn ông Nghiêm Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn ông Nghiêm Thành N số tiền 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lâm Thị C (vợ ông T) tự nguyện nhận thực hiện nghĩa vụ liên đới cùng với chồng bà thanh toán nợ cho nguyên đơn.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nghiêm Thành N về việc yêu cầu tính lãi theo quy định do nguyên đơn tự nguyện xin rút lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Trả lại cho ông Nghiêm Thành N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004702 ngày 13/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giang Thành.

Bị đơn ông Nghiêm Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*).

3. Về quyền kháng cáo

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giang Thành;
- CC THA DS huyện Giang Thành;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Hồng Phong

